TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/DS-PT
Ngày 24 - 3 - 2023
"V/v tranh chấp giao dịch mua bán đất dịch vụ và công nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Thăng;
Các thẩm phán: Ông Hoàng Hữu Tăng.
Ông Phạm Trung Thực.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Bá Thuận - Thư ký viên chính, Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên: Ông Nguyễn Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc "*Tranh chấp giao dịch mua bán đất dịch vụ và công nhận quyền sử dụng đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Văn Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 02 năm 2023 và quyết định hoãn phiên toà số 10/2023/QĐ-HPT ngày 03 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn X, sinh năm: 1957; (có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện V, tỉnh H

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông X: Ông Nguyễn Minh H - Luật sư của Văn phòng luật sư Thanh Vũ thuộc đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (có mặt)

* Bị đơn: UBND xã L, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên;

Địa chỉ: Xã L, huyện V, tỉnh H

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Lý Văn T - Chủ tịch UBND xã L;

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Lê Ngọc Th - Phó chủ tịch UBND xã L; (có mặt)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đinh Thị E, sinh năm: 1959; (vắng mặt)
2. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1977; (có mặt)
3. Anh Nguyễn Văn V (Nguyễn Văn Sơn), sinh năm: 1980; (vắng mặt)
4. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1983; (vắng mặt)

Đều địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện V, tỉnh H.

* Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Hùng C, sinh năm: 1955; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn V, Xã L, huyện V, tỉnh H.

2. Ông Đỗ S, sinh năm: 1941; (vắng mặt)

3. Ông Tô Văn Ph, sinh năm: 1959; (vắng mặt)

4. Ông Đỗ Xuân T, sinh năm: 1948; (vắng mặt)

Đều địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện V, tỉnh H.

* Người kháng cáo: UBND xã L, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2022, các lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn Ông Nguyễn Văn X trình bày:

Năm 1993, gia đình ông có 5 nhân khẩu được tiêu chuẩn đất nông nghiệp, gồm ông X, vợ ông là bà Đinh Thị E, con lớn Nguyễn Văn Hùng, con thứ hai Nguyễn Văn Vương, con út Nguyễn Văn Thúy. Tiêu chuẩn mỗi nhân khẩu được chia 1 sào ruộng, tổng diện tích gia đình ông được chia 5 sào đất nông nghiệp tại các xứ đồng: Trại Ong (Nay là xứ Đồng trên) 8,6 miếng; Sau hội trường 1,05 sào; Quán Trạch cao 2 thửa gồm 4,2 miếng và 3 miếng; Quán Trạch trũng có 2 thửa một thửa 3,9 miếng và 7 miếng; Bờ sông 3,5 miếng; Đan Kim 08 miếng. Các thửa ruộng này gia đình ông đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên khi mẹ ông cao tuổi đã đốt mất giấy chứng nhận của gia đình ông nên ông không thể cung cấp cho Tòa án giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp.

Vào những năm 1994-1996 UBND xã và Đảng ủy xã L có chủ trương thỏa thuận với các hộ dân có đất ruộng nông nghiệp ven các trục đường chính của xã sẽ thu hồi để bán đất dịch vụ lấy tiền phát triển hạ tầng, kinh tế địa phương. Thời điểm đó UBND xã L đã thống nhất các hộ dân có đất bị thu hồi thì được hưởng 50% giá tiền còn lại 50% phải nộp tiền về ngân sách địa phương để phát triển hạ tầng, kinh tế địa phương với giá thu hồi đất là 70.000 đồng/1m^2.

Trong số các thửa ruộng của gia đình ông được cấp có thửa ruộng tại khu Trại Ong nằm ven đường tỉnh 199b từ trụ sở UBND xã L cũ đi lên dốc đê thôn Phi Liệt có diện tích 8,6 miếng đủ điều kiện để mua, chuyển đổi sang đất dịch vụ.

Thực hiện chủ trương này gia đình ông có nộp tiền để mua đất dịch vụ với diện tích 280m^2 với số tiền phải nộp 50% là 9.800.000 đồng. Cán bộ xã có giải thích cho ông biết để mua thêm một phần đất lưu không nhưng do tiềm lực tài chính của gia đình có hạn nên ông chỉ nộp mua diện tích 280m^2. Sau khi đăng ký mua đất dịch vụ và nộp tiền, gia đình ông được UBND xã L cấp Giấy chứng nhận nhằm tạo điều kiện cho người dân sử dụng đất và gia đình ông là người trực tiếp quản lý sử dụng đất từ đó đến nay. Trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp vẫn giữ nguyên, không điều chỉnh thông tin thửa đất đã chuyển đổi sang đất dịch vụ.

Từ khi được giao đất rồi chuyển đổi đất thành đất dịch vụ, gia đình ông đã xây tường bao quanh đất, không xảy ra tranh chấp gì với các hộ có đất giáp ranh, hiện nay UBND huyện V làm đường, xây dựng mương trước mặt thửa đất của gia

đình ông, UBND xã L xác định vị trí tiếp giáp đất của gia đình ông với đất công là đúng, không lấn chiếm. Hàng năm ông vẫn đóng thuế đất nông nghiệp đầy đủ.

Đến năm 2017, thực hiện dự án đo đạc của tỉnh, khu đất dịch vụ ông đang sử dụng được đo đạc lại, có tổng diện tích 384,4m^2.

Do điều kiện kinh tế khó khăn và chưa có nhu cầu sử dụng nên năm 2021 gia đình ông có dự định bán lại một phần diện tích đất để lấy tiền trang trải nhu cầu cuộc sống. Khi hai bên tiến hành giao dịch và có đề nghị UBND xã, cán bộ địa chính thực hiện việc cắm mốc và bàn giao mốc giới giữa hai bên mua bán. Khi chuẩn bị thực hiện việc đo bàn giao mốc giới, gia đình ông được cán bộ địa chính cho biết gia đình ông chỉ có 240m^2 đất dịch vụ và sau đó ông Thành (khi đó là cán bộ địa chính xã) tiếp tục thông báo cho gia đình ông biết là của gia đình ông chỉ có 180m^2 mà không phải là 280m^2 đất dịch vụ mà gia đình ông trực tiếp quản lý, sử dụng từ ngày nộp tiền mua đất đến nay.

Việc gia đình ông mua đất dịch vụ có nộp tiền mua đất dịch vụ, đã được cấp Giấy chứng nhận, đã có tên trong bản đồ địa chính năm 1997 với diện tích 280m^2. Tuy nhiên đến nay UBND xã L cho rằng đất của gia đình ông chỉ có 180m^2 và không xác nhận cho việc sử dụng 280m^2 dẫn đến khó khăn cho việc quản lý và định đoạt tài sản là quyền sử dụng đất. Còn 100m^2 của gia đình ông có nộp tiền sử dụng đất lại không được công nhận mặc dù gia đình ông vẫn trực tiếp quản lý từ trước đến nay.

Ông có làm đơn ra UBND xã L, huyện V đề nghị xem xét công nhận việc mua đất dịch vụ của gia đình ông cũng như điều chỉnh lại thông tin địa chính liên quan đến việc mua đất dịch vụ của gia đình ông nhưng không được UBND xã L xem xét giải quyết.

Đến nay UBND xã L chỉ chấp nhận diện tích đất dịch vụ của gia đình ông đã mua tại xứ đồng Trên với diện tích 242,1m^2, không đồng ý với nội dung trên, ông làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Văn Giang yêu cầu Tòa án giải quyết:

Công nhận giao dịch mua bán đất dịch vụ của gia đình ông với UBND xã L đối với toàn bộ diện tích 280m^2.

Buộc UBND xã L điều chỉnh thông tin địa chính về đất đai của gia đình ông theo bản đồ 1997 và điều chỉnh sổ mục kê để công nhân nguồn gốc đất cho gia đình ông.

Bị đơn - UBND xã L có quan điểm:

Năm 1993, Ông Nguyễn Văn X đăng ký mua diện tích đất dịch vụ, có nguồn gốc từ đất tiêu chuẩn 03 của chính gia đình ông được giao tại xứ Đồng Trên. UBND xã cấp 01 Giấy chứng nhận tạm thời mang tên Ông Nguyễn Văn X thể hiện diện tích ghi 280m^2.

Năm 1997, UBND xã tiến hành đo đạc, lập thành bản đồ địa chính, sổ mục kê đất đai, diện tích ông X kê khai được thể hiện giữa các tài liệu như sau:

1. Trên sổ mục kê năm 1997 thể hiện việc đăng ký kê khai thành 02 thửa gồm các thửa: Thửa số 23/03 mang tên Nguyễn Ngọc S diện tích 140m^2 (con ông X) và thửa số 24/03 mang tên Nguyễn Văn X diện tích 180m^2.

2. Trên bản đồ năm 1997 thể hiện: Thửa số 23/03 mang tên Nguyễn Ngọc S diện tích 140m^2 và thửa số 24/03 mang tên Nguyễn Văn X diện tích 140m^2

Theo Giấy chứng nhận tạm thời cấp cho ông X, thửa đất được thuyết minh mô tả có chiều rộng theo mặt đường là 16,6m, chiều sâu 27 m (trừ lưu không 6m).

Kết quả xác minh, đo đạc hiện trạng sử dụng đất tại khu vực Đồng trên, thửa số 23 và 24 tờ bản đồ số 03 nay thuộc thửa số 116 tờ bản đồ số 19 thôn Phi Liệt, xác định gia đình ông X sử dụng ổn định đã xây dựng tường bao quanh thành 01 thửa trong đó bao gồm cả thửa 23 và 24 tờ bản đồ số 03. Kết quả đo đạc xác định thửa số 23 và 24 có tổng diện tích 242,1m^2 trên 280m^2 giảm 37,9m^2 so với diện tích đăng ký mua trước đây sau khi đã trừ phần lưu không 6m phía mương theo quy định.

Kết quả đo đạc được xác định theo mô tả chiều rộng mặt đường và chiều phía trong đối diện có cùng kích thước là 16,6m, chiều sâu hai cạnh hai bên thửa đất là 21m, tuy nhiên, cạnh phía Bắc hiện trạng chỉ có 18m, giảm 3 m so với mô tả (ba cạnh còn lại đủ theo kích thước mô tả trên Giấy chứng nhận tạm thời cấp cho gia đình ông X năm 1995). Do vậy UBND xã L chỉ có thể công nhận hộ ông X được quyền quản lý, sử dụng thửa đất dịch vụ có kích thước, hình thể theo mô tả trên Giấy chứng nhận tạm thời ngày 25/5/1995 là 242,1m^2.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Đinh Thị E, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn V, anh Nguyễn Văn Th đều có quan điểm: Nhất trí với phần trình bày và yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn X. Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn X.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện: Thửa đất dịch vụ tại thôn Phi Liệt, xã Liên Nghĩa hiện tại hộ Ông Nguyễn Văn X đang quản lý, sử dụng có tổng diện tích là 406,2m^2. Thửa đất được xây dựng tường gạch bao quanh tại các cạnh phía Tây, Bắc, Nam của thửa đất, tường xây từ khoảng năm 1995 và không có tranh chấp với các hộ xung quanh.

Kết quả xác minh việc nộp thuế sử dụng đất thể hiện: Từ năm 2011, có chủ trương thu thuế đất phi nông nghiệp (bao gồm cả đất dịch vụ) hộ ông X đã kê khai diện tích đất dịch vụ để nộp thuế là 280m^2, được UBND xã L xác nhận. Trong số diện tích 280m^2 đất dịch vụ, có một thửa đất dịch vụ do anh Nguyễn Văn Sơn (Vương) là con ông X đứng tên, do cùng một hộ nên cũng ghi diện tích tính thuế và thu thuế cùng với hộ ông X, tổng diện tích đất dịch vụ thu thuế là 280m^2. Hộ ông X nộp thuế với diện tích đất dịch vụ là 280m^2 từ đó tới nay. Mã số thuế của ông X là 8189773284.

Người làm chứng - Ông Nguyễn Hùng C cung cấp: Ông làm cán bộ địa chính xã Liên Nghĩa từ năm 1995 đến 2005. Năm 1995, Đảng ủy, HĐND, UBND xã L có chủ trương bán đất dịch vụ cho nhân dân để lấy tiền xây dựng các công trình phúc lợi, đường trong các thôn. Nguồn đất dùng để bán là các thửa đất công điền do UBND xã L quản lý, đất nông nghiệp đã giao cho các hộ dân theo Nghị quyết 03 của tỉnh ủy Hải Hưng. Các thửa đất đủ điều kiện để bán là đất ven các trục đường giao thông chính của xã.

Theo Nghị quyết của Đảng ủy, HĐND, UBND xã L, đất công điền do UBND xã L quản lý sẽ do UBND xã trực tiếp bán; đất nông nghiệp của các hộ

dân sẽ do trực tiếp các thôn bán, hộ dân có đất bị thu hồi để bán chỉ phải nộp 50% số tiền theo quy định.

Giá bán đất được Đảng ủy, HĐND, UBND xã L quy định chia thành 2 mức:

Đối với đất phía sau khu vực Hội trường UBND xã bán với giá 80.000đ/m^2

Đối với đất phía trên đường xứ đồng khu Trại Ong bán với giá 70.000đ/m^2

Theo Nghị quyết của Đảng ủy, UBND xã, ở mỗi thôn sẽ thành lập một Ban kiến thiết đường làng, xây dựng công trình cơ bản do các Trưởng, phó thôn phụ trách.

Tại thôn Phi Liệt cũng thành lập Ban kiến thiết gồm có ông Đinh Xuân Thanh (trưởng thôn là trưởng ban), ông Tô Văn Ph và ông Đỗ Xuân T là các phó thôn là phó ban, ông Đỗ S là ủy viên kiêm thủ quỹ, ông Đinh Văn Phu ủy viên kiêm Kế toán (Ông Phu đã chết)

Các thôn cũng tiến hành họp công khai nghị quyết để các hộ dân có nhu cầu mua đất nắm được và đăng ký.

Sau khi các hộ dân đăng ký mua sẽ nộp tiền trực tiếp cho các thành viên trong ban kế toán của thôn, các thôn có phiếu thu tiền, đo đất giao cho các hộ dân rồi lập danh sách gửi về cho UBND xã L nắm được. Số tiền các thôn thu được từ việc bán đất cũng do các thôn sử dụng để xây dựng đường và công trình công cộng của thôn.

Năm 1996 có tiến hành đo đạc lại toàn bộ đất đai trên địa bàn toàn xã nên có đo đạc cả các hộ đã mua đất dịch vụ, từ đó có thông tin để theo dõi trong hồ sơ địa chính, các thửa đất này được theo dõi trên sổ mục kê, sổ dã ngoại và loại đất là đất dịch vụ.

Từ khi bán đất dịch vụ, nhiều hộ gia đình đã xây dựng các công trình trên đất như nhà ở, xưởng, kho …

Đối với hộ Ông Nguyễn Văn X được Nhà nước giao thửa đất tại khu Đồng Trên, tiếp giáp với đường 199b (từ đê Sông Hồng đi xuống UBND xã L cũ), thửa đất này thuộc tiêu chuẩn chuyển đổi (mua) đất dịch vụ theo Nghị quyết của Đảng ủy, UBND xã L như đã trình bày nêu trên. Theo đó, hộ ông X đã mua diện tích 280m^2, với số tiền 9.800.000đ.

Theo Giấy chứng nhận UBND xã L đã cấp cho hộ ông X, toàn bộ phần chữ viết bằng tay (không phải đánh máy tính) là do ông trực tiếp viết. Phần tứ cận được xác định như sau:

Phần tiếp giáp với mặt đường 199b có chiều dài 16m; Chiều sâu thửa đất có chiều dài 27m tính từ mép đường, diện tích thửa đất được tính sau khi trừ đi 6m chiều dài từ mép đường vào vì giữa đường và thửa đất là một con mương. Phía sau trừ đi 1m để làm đường, phần diện tích đất trừ này nằm trong tiêu chuẩn đất nông nghiệp của hộ gia đình mua đất (hộ nào mua đất cũng bị trừ như vậy).

Khi đó thôn trực tiếp đo đất giao cho ông X, đến khi ông X đến xin Giấy chứng nhận thì ông cũng là người trực tiếp đi đo lại để giao đất dịch vụ cho hộ ông X. Do thửa đất của hộ ông X không vuông vắn nên ông chỉ xác định chiều dài theo mặt đường đủ 16m, còn lại chiều dài xác định trung bình 20m chứ không đo cụ thể. Thửa đất dịch vụ hộ ông X được tính từ cạnh tiếp giáp với hộ ông Nguyễn Đăng Tuệ.

Do các hộ mua đất dịch vụ dựa trên cơ sở đất nông nghiệp được giao tiếp giáp với đường 199b nên toàn bộ các hộ mua đất dịch vụ đều được giao đất tiếp giáp với đường 199b.

Trên Giấy chứng nhận ghi đất cấp cho hộ Ông Nguyễn Văn X, tuy nhiên trên sổ mục kê lại thể hiện thửa đất dịch vụ giao cho 2 hộ là Ông Nguyễn Văn X và anh Nguyễn Ngọc S. Anh Sơn là con trai ông X, việc tách đất do hộ ông X báo với thôn cơ sở, thôn báo lại với ông để xác lập hồ sơ địa chính gồm sổ mục kê và bản đồ địa chính.

Năm 1997, trực tiếp cán bộ đo đạc do UBND tỉnh Hải Hưng cử về để đo đạc lập bản đồ địa chính. Tại xã Liên Nghĩa, cán bộ đoàn đo đạc đến từng thôn có cán bộ của thôn dẫn tới từng hộ để đo đạc, cán bộ đo đạc ghi tên chủ sử dụng theo cung cấp của cán bộ thôn đi cùng, đối với đất dịch vụ tại thôn Phi Liệt còn căn cứ vào danh sách mua đất của thôn cung cấp.

Sau khi lập xong bản đồ địa chính sẽ căn cứ vào đó để lập sổ mục kê, sổ mục kê cũng do cán bộ của đoàn đo của tỉnh lập.

Trên Sổ mục kê và bản đồ địa chính có sự chênh lệch về diện tích các thửa đất của hộ ông X, lý do vì trên bản đồ địa chính ghi diện tích theo giấy tờ hộ ông X mua, còn lại sổ mục kê ghi theo thực tế diện tích hộ ông X đang quản lý, sử dụng.

Theo ông, cách tính của UBND xã để xác định diện tích đất của hộ ông X là 242,1m^2 là không chính xác vì thửa đất của hộ ông X không vuông vắn, khi bán đất dịch vụ cho hộ ông X cũng chỉ xác định tương đối kích thước các cạnh, đo đạc bằng thước dây. Do đó đến nay ông xác định diện tích hộ ông X mua đất dịch vụ 280m^2 là đúng và phần diện tích này nằm trong thửa đất nông nghiệp hộ ông X được giao.

Người làm chứng - Ông Đỗ S cung cấp: Ông nhất trí với phần trình bày của ông Nguyễn Hùng C về chủ trương, cách thức bán đất dịch vụ của Đảng ủy, UBND xã L. Thời điểm đó, tại thôn Phi Liệt thành lập ban kiến thiết, ông là ủy viên trong ban kiêm thủ quỹ.

Khi bán đất dịch vụ, toàn bộ những người trong ban kiến thiết đều cùng nhau đi giao đất, có những buổi không đủ thành phần thì vẫn đo giao đất cho dân. Việc đo giao đất thực hiện sau khi đã thu tiền đất của nhân dân.

Đối với hộ ông X, có một thửa đất nông nghiệp tại khu Trại Ong, giáp với đường 199b thuộc tiêu chuẩn mua đất dịch vụ, hộ ông X cũng nhất trí mua đất.

Ông trực tiếp cùng với các ông trong ban kiến thiết thu tiền và lập phiếu thu giao cho ông X, ông cũng là người trực tiếp đi đo giao đất cho Ông Nguyễn Văn X. Do ông chỉ là ủy viên, đi đo đất, giao đất cùng với trưởng, phó thôn nên ông chỉ biết diện tích đất giao cho hộ ông X là 280m^2, còn lại các cạnh như nào ông không nắm được cụ thể. Tuy nhiên, đối với các hộ mua đất dịch vụ đều có chiều dài cạnh bám sát với mặt đường (có trừ phần lưu không vì giáp mương nước). Việc giao đất cho các hộ chỉ được tiến hành khi các hộ dân đã nộp hoàn thiện tiền mua đất cho thôn, xã.

Số tiền ông X và những người mua đất khác nộp, thôn có tổng hợp lại cùng với vị trí, diện tích đất để báo cáo lại với UBND xã L để UBND xã nắm được.

Sau khi thôn đo đất giao cho các hộ, còn có một lần cán bộ địa chính xã trực tiếp xuống đo lại đất để UBND xã L cấp giấy chứng nhận cho hộ dân mua đất, ngoài ra còn theo dõi trên hồ sơ địa chính của xã.

Nay ông xác nhận diện tích đất dịch vụ hộ ông X đã mua là 280m^2.

Người làm chứng - Ông Tô Văn Ph cung cấp: Ông làm Phó thôn Phi Liệt từ năm 1994 đến tháng 6/1997. Việc bán đất dịch vụ của UBND xã L, ông C đã trình bày cụ thể, ông không bổ sung thêm nội dung gì.

Đối với hộ Ông Nguyễn Văn X mua đất tại khu Trại Ong, ông X nộp tiền mua đất cho kế toán, thôn cũng lập và giao phiếu thu cho hộ ông X khi gia đình ông X nộp đủ hết tiền. Do khi đó thôn nợ tiền làm đường nên khi thu được tiền của các hộ dân đã bàn giao lại tiền trực tiếp cho người làm đường ngay mà không nộp về thủ quỹ.

Sau khi các hộ dân nộp tiền, ông cũng là người trực tiếp đi đo đất trong đó có hộ ông X. Khi đo đất cho hộ ông X có cả vợ chồng ông X cùng chứng kiến. Sau đó để cấp Giấy chứng nhận cho các hộ dân, cán bộ địa chính khi đó là ông Nguyễn Hùng C còn trực tiếp xuống đo lại một lần nữa để xác nhận lại diện tích.

Thời điểm đó đất giá trị rất thấp, trong khi Ủy ban và thôn đang cần tiền để kiến thiết nên còn phải vận động người dân mua đất, người dân mua đất cũng đều lựa chọn các thửa đất vị trí đẹp, vuông vắn, các phần thừa, thẹo đều không nhận và không nằm trong diện tích đất dịch vụ họ mua.

Đến nay ông vẫn xác nhận diện tích đất dịch vụ hộ ông X đã mua là 280m^2, nằm trong diện tích đất nông nghiệp tại khu Trại Ong mà hộ ông X được giao, hộ ông X đã nộp đủ tiền mua đất.

Người làm chứng - Ông Đỗ Văn Tường xác nhận: Tại thời điểm mua bán đất dịch vụ, ông trực tiếp là người ký xác nhận trên phiếu thu cho hộ Ông Nguyễn Văn X, thời điểm đó ban kiến thiết thôn đã thu đủ số tiền của ông X.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Văn Giang đã quyết định:

1. Về điều luật áp dụng:

- Khoản 3, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36; điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 4 Điều 264, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 4; Điều 14 Pháp lệnh về hợp đồng dân sự năm 1991;

- Khoản 1 Điều 2; khoản 1 Điều 3 Luật đất đai 1993;

- Điều 99; Điều 100; Điều 153 Luật đất đai 2013. Khoản 3 Điều 23 Nghị định 43/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai 2013;

- Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Về nội dung:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn X.

Công nhận giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25/5/1995 giữa Ông Nguyễn Văn X với UBND xã L, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên đối

với các thửa đất số 23, 24 đều thuộc tờ bản đồ số 3, tổng diện tích 280m^2 tại Thôn P, xã L, huyện V, tỉnh H

Công nhận hộ Ông Nguyễn Văn X là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 23, 24 đều thuộc tờ bản đồ số 3, tổng diện tích 280m^2 tại Thôn P, xã L, huyện V, tỉnh H. Mục đích sử dụng: Đất dịch vụ.

Thửa đất dịch vụ của hộ ông X được quản lý, sử dụng có sơ đồ kèm theo.

Ủy ban nhân dân xã Liên Nghĩa phải tiến hành làm các thủ tục công nhận quyền sử dụng đất dịch vụ cho hộ Ông Nguyễn Văn X.

2.2. Hộ Ông Nguyễn Văn X có quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đất đai 2013.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022 UBND xã L kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án nội dung: Huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn Ông Nguyễn Văn X đề nghị Toà án công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho ông diện tích đủ 280 m^2.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông X là Luật sư Nguyễn Minh Hưng đề nghị Toà án công nhận quyền sử dụng hợp pháp cho ông diện tích đủ 280 m^2.

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Lê Ngọc Thành - Phó Chủ tịch UBND xã L thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị Toà án xem xét việc cấp sơ thẩm công nhận giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Ông Nguyễn Văn X và UBND xã L ngày 25/5/1995; Nếu theo quy định của pháp luật mà ông X được quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng của UBND xã năm 1995 thì đề nghị Tòa án căn cứ hiện trạng sử dụng đất để công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho gia đình ông X theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng. Đối với người tham gia tố tụng đã chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của UBND xã L. Sửa bản án sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Văn Giang. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn X. Công nhận cho Ông Nguyễn Văn X được quyền sử dụng đất hợp pháp 280 m^2 thuộc thửa đất số 23 và 24 tờ bản đồ số 03 (bản đồ 1997) nay là thửa số 116 tờ bản đồ số 19 (bản đồ 2016) tại Thôn P, xã L, huyện V, tỉnh H. Kiến nghị đến UBND huyện Vđiều chỉnh một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp năm 1996 cấp cho hộ Ông Nguyễn Văn X thửa số 455/13 tờ bản đồ số 4 cho đúng diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khi công nhận quyền sử dụng 280 m^2 đất

cho Ông Nguyễn Văn X. Ông Nguyễn Văn X có nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan, đầy đủ các chứng cứ, lời trình bầy của các đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về sự có mặt của các đương sự: Tại phiên toà phúc thẩm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đinh Thị Én, Nguyễn Văn Vương, Nguyễn Văn Thuý đều vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.2]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn UBND xã L đảm bảo về hình thức và nội dung, đúng người có quyền kháng cáo, còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định của các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, đại diện bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó kháng cáo nêu trên đủ điều kiện xét kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Ông Nguyễn Văn X khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất dịch vụ giữa ông X và UBND xã L; công nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông đối với diện tích 280 m^2 của UBND xã L theo Giấy chứng nhận ngày 25/5/1995. Yêu cầu khởi kiện của ông X đã được Tòa án nhân dân huyện Văn Giang chấp nhận. Bị đơn UBND xã L không đồng tình với Bản án của TAND huyện Văn Giang và đã kháng cáo. Xét kháng cáo của UBND xã L thì thấy:

[2.1]. Về chủ chương giao đất, chuyển đổi đất nông nghiệp thành đất dịch vụ:

Năm 1994, Đảng ủy, UBND xã L có chủ trương xây dựng đường, xá, trường, trạm. Việc xây dựng trên đòi hỏi phải có nguồn vốn lớn, nhưng ngân sách không thể đáp ứng được. Do vậy, Đảng ủy và UBND xã đã ra nhiều Nghị quyết giao đất ao, đất thùng vũng, đất 03 ở ven đường quốc lộ, đường huyện, tỉnh, trục đường liên xã, thôn để lấy tiền xây dựng cơ sở hạ tầng. Nội dung này được nêu rõ tại Bản án số 36/HSST ngày 24/3/2000 của TAND tỉnh Hưng Yên.

Do đó việc giao đất dịch vụ không đúng thẩm quyền của xã Liên Nghĩa thời kỳ 1994 -1997 là có thật mặc dù chủ trương này trái quy định của Luật Đất đai năm 1993. Theo đó, những hộ có đất 03 có nhu cầu nhận đất giao trái thẩm quyền để chuyển thành đất dịch vụ thì chỉ phải nộp 50% số tiền theo quy định về thôn nếu thôn giao hoặc nộp 50% số tiền quy định về xã nếu xã giao.

Hiện nay các hộ đã giao đất dịch vụ với thôn hoặc với UBND xã L giai đoạn từ 1994 - 1997 vẫn đang sử dụng đất ổn định, nhiều hộ gia đình đã xây dựng

công trình kiên cố như nhà ở, kho xưởng... và có tên trong bản đồ địa chính, sổ mục kê đất của UBND xã L.

Những hộ có nhu cầu để chuyển đổi thành đất ở cũng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo cung cấp của Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai huyện Văn Giang và UBND xã L thì có 02 trường hợp là ông Đỗ Ngọc Kim sử dụng đất tại thôn Phi Liệt và bà Ngô Thị Minh sử dụng đất tại thôn Bá Khê, xã Liên Nghĩa đây là trường hợp UBND xã L giao trái thẩm quyền được công nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[2.2]. Về việc sử dụng thửa đất dịch vụ của hộ Ông Nguyễn Văn X:

- Về nguồn gốc thửa đất: Thực hiện Nghị quyết 03 của tỉnh ủy Hải Hưng, Quyết định số 721 QĐ-UB ngày 17/9/1992, Quyết định số 235 QĐ-UB ngày 25/2/1993 của UBND tỉnh Hải Hưng, UBND xã L giao đất nông nghiệp cho các hộ dân để canh tác. Theo Biên bản giao đất canh tác sử dụng lâu dài cho hộ nông dân, hộ ông X có 5 nhân khẩu được giao đất. Trong số các thửa ruộng được giao, có thửa ruộng tại xứ đồng Trên thửa số 455/13 tờ bản đồ số 4, diện tích 0,86 sào tương đương 309,6m^2, thửa đất này tiếp giáp với đường 199B (nay là đường Chu Mạnh Trinh), đã được UBND huyện Châu Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ ông X. Do đó, thửa đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ Ông Nguyễn Văn X.

- Về quá trình sử dụng thửa đất dịch vụ của hộ Ông Nguyễn Văn X:

Theo cung cấp của các đương sự và những người làm chứng thể hiện:

Thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy, UBND xã L về việc giao đất dịch vụ, tại các thôn đều thành lập Ban kiến thiết, các thành phần trong ban gồm có Trưởng, phó thôn, Thủ quỹ, Kế toán để tiến hành việc lập danh sách các hộ có đất để chuyển đổi, thu nộp tiền, ghi chép, giao đất… cho các hộ khi mua đất dịch vụ.

Đối với các hộ nhận đất dịch vụ có nguồn gốc là đất nông nghiệp được giao, sẽ giao với giá 70.000đ/1m^2, trong đó hộ gia đình chỉ phải thanh toán bằng 50% số tiền này là 35.000đ/1m^2.

Ông Nguyễn Văn X khẳng định ông đã nộp số tiền 9.800.000đ để giao đất dịch vụ tại khu Trại Ong (nay là khu đồng Trên). Mặc dù hộ ông X không cung cấp được phiếu thu tiền (theo ông X cung cấp là đã bị cháy) nhưng căn cứ vào danh sách thu nộp tiền ngày 30/12/1995 có chữ ký của trưởng thôn cũng như xác nhận của ông T, ông Ph và ông Sáo, có đủ căn cứ khẳng định ông X đã nộp số tiền đất là 9.800.000đ nhận thửa đất dịch vụ tại khu Trại Ong (nay là khu Đồng Trên).

Theo phương pháp tính giá trị thửa đất của UBND xã L thì số tiền ông X đã nộp thửa đất có diện tích là: 9.800.000đ :35.000đ/1m^2 bằng 280m^2.

Mặc khác, ngày 25/5/1995, UBND xã L đã cấp cho Ông Nguyễn Văn X Giấy chứng nhận có nội dung xác nhận: "*Ông nguyễn Văn Sây (Xây) …được sử dụng số diện tích đất dịch vụ tại xã Liên Nghĩa là 280m^2 thuộc khu vực tuyến dốc đê Phi Liệt đi UBND xã…*"

Đến nay, các đương sự đều không tranh chấp với nhau về nguồn gốc, các nội dung nêu trong Giấy chứng nhận này, do đó Giấy chứng nhận này là một

nguồn chứng cứ quan trọng để HĐXX giải quyết vụ án đồng thời khẳng định việc giao đất dịch vụ giữa UBND xã L với Ông Nguyễn Văn X là có thật.

- Về diện tích đất dịch vụ hộ ông X được giao: Ông X nộp tiền diện tích đất 280m^2 và đã nộp đủ số tiền 9.800.000đ và UBND xã L đã cấp cho ông X Giấy chứng nhận ngày 25/5/1995 diện tích 280m^2 với chiều dài theo mặt đường 16,6m, chiều sâu 27m, phần diện tích lưu không đường giao thông phía trước 6m và ông X nộp thuế với diện tích đất dịch vụ là 280m^2.

Ông C, ông Ph, ông T, ông Sáo đều xác nhận thời điểm giao đất chỉ đo đạc bằng thước dây, phương pháp tính không khoa học nên kích thước các cạnh không chính xác.

Các tài liệu, hồ sơ địa chính do UBND xã L quản lý có sự mâu thuẫn nhau về kích thước, vị trí. Tại tờ bản đồ địa chính năm 1997 thể hiện thửa đất số 23, 24 giáp với thửa số 25 diện tích 280 m^2. Tuy nhiên theo sổ tốc ký dã ngoại năm 1997 tờ bản đồ giải thửa khu đồng Trên và hiện trạng thửa đất thể hiện vị trí thửa đất số 25 là đường vào các thửa đất nông nghiệp phía sau thửa đất của hộ ông X và theo sổ mục kê diện tích 2 thửa là 320 m^2 và tại đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND xã L cung cấp Ông Nguyễn Văn X và anh Nguyễn Ngọc S cùng làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mỗi thửa đất diện tích 140 m^2 tổng hai thửa là 280 m^2 .

Xét quan điểm của UBND xã L: Việc UBND xã L giao đất dịch vụ 280 m^2 cho Ông Nguyễn Văn X năm 1995 là đúng nhưng trái pháp luật, hộ ông X đã nộp tiền 9.800.000 đồng cho diện tích 280 m^2 đất dịch vụ là đúng; hộ ông X nộp thuế đất cho diện tích 280 m^2; sử dụng đất ổn định, không tranh chấp, có tên trên bản đồ địa chính năm 1997, theo hồ sơ quy hoạch sử dụng đất thì vị trí thửa đất phù hợp với quy hoạch khu dân cư (đất ở nông thôn), được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất nên theo khoản 2 Điều 2 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ thì thửa đất của Ông Nguyễn Văn X đang sử dụng đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với diện tích 280 m^2 nhưng phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 45/2014/NĐ- CP. (Trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền đã sử dụng ổn định từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2014 và phải nộp 50% tiền sử dụng đất đối với phần diện tích trong hạn mức giao đất ở) và tại phiên toà đại diện UBND xã L đề nghị Toà án căn cứ vào các giấy tờ của UBND xã L giao đất cho ông X, nếu đủ điều kiện thì đề ghị công nhận quyền sử dụng hợp pháp cho ông X theo quy định của pháp luật.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Tòa án đã có buổi làm việc, xác minh với Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Văn Giang và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Văn Giang được biết: Thửa đất số 23 và thửa đất số 24 tờ bản đồ số 03 là do UBND xã L giao trái thẩm quyền cho Ông Nguyễn Văn X năm 1995. Việc kê khai đăng ký đất đai sẽ được thực hiện sau khi UBND xã cùng gia đình căn cứ vào kích thước được giao năm 1995 và thực tế sử dụng của gia đình để xác định diện tích sử dụng. UBND xã L có trách nhiệm thực hiện việc xét duyệt nguồn gốc theo quy định. Do diện tích nêu trên năm 1995 được UBND xã L giao trên nền đất nông nghiệp được giao theo Nghị định số

64/NĐ-CP và đã được UBND huyện Châu Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp. Vì vậy trước khi kê khai đăng ký và đề nghị công nhận quyền sử dụng đất theo mục đích sử dụng mới cần được xem xét thu hồi, chỉnh lý.

Như vậy, về hiện trạng sử dụng đất theo Giấy chứng nhận đã thay đổi, mặc dù giao trên Giấy chứng nhận là 280 m^2 nhưng kích thước chỉ ghi chiều dài theo mặt đường 16,6m, chiều sâu 27m, phần lưu không đường 6m nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét diện tích đất theo hiện trạng đang sử dụng là phù hợp.

Từ những căn cứ trên, có đủ cơ sở xác định Tòa án nhân dân huyện Văn Giang xử: Công nhận hộ Ông Nguyễn Văn X là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 23, 24 đều thuộc tờ bản đồ số 3, tổng diện tích 280m^2 tại Thôn P, xã L, huyện V, tỉnh H là đúng. Tuy nhiên, việc công nhận giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25/5/1995 giữa Ông Nguyễn Văn X với UBND xã L, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên đối với các thửa đất số 23, 24 đều thuộc tờ bản đồ số 3, tổng diện tích 280m^2 tại Thôn P, xã L, huyện V, tỉnh H là chưa phù hợp. Vì vậy, cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của UBND xã L. Sửa bản án sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn X, công nhận cho Ông Nguyễn Văn X được quyền sử dụng 280 m^2 thuộc thửa đất số 23 và 24 tờ bản đồ số 03 (bản đồ 1997) nay là thửa số 116 tờ bản đồ số 19 (bản đồ 2016) theo sơ đồ kèm theo và kiến nghị đến UBND huyện Vđiều chỉnh một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp năm 1996 do UBND huyện Châu Giang cấp cho hộ Ông Nguyễn Văn X thửa số 455/13 tờ bản đồ số 4 cho đúng diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khi trừ 280 m^2 đất đã giao cho Ông Nguyễn Văn X năm 1995. Ông Nguyễn Văn X có nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Đối với phần diện tích nông nghiệp còn lại được giao năm 1993 không thuộc phạm vi khởi kiện nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

Quan điểm của Đại diện VKSND tỉnh Hưng Yên được HĐXX chấp nhận.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 2; khoản 1 Điều 3 Luật đất đai 1993;
- Điều 99; Điều 100; Điều 153 Luật đất đai 2013;
- Khoản 3 Điều 23 Nghị định 43/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai 2013;
- Điều 26; Điều 27, Điều 28 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của UBND xã L.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên như sau:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn X. Công nhận cho Ông Nguyễn Văn X được quyền sử dụng hợp pháp 280 m^2 thuộc thửa đất số 23 và 24 tờ bản đồ số 03 (bản đồ 1997) nay là thửa số 116 tờ bản đồ số 19 (bản đồ 2016) tại Thôn P, xã L, huyện V, tỉnh H.

(Phần diện tích đất công nhận cho ông X có sơ đồ kèm theo)

2.2. Kiến nghị đến UBND huyện Vđiều chỉnh một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp năm 1996 do UBND huyện Châu Giang cấp cho hộ Ông Nguyễn Văn X thửa số 455/13 tờ bản đồ số 4 cho đúng diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khi trừ diện tích 280m^2 đất đã công nhận quyền sử dụng cho Ông Nguyễn Văn X nêu trên.

Ông Nguyễn Văn X có quyền và nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

3. Về án phí: Hoàn trả lại Ông Nguyễn Văn X 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông X đã nộp theo biên lai số 0010578 ngày 15/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang.

UBND xã L, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại UBND xã L 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0010712 ngày 12/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang.

* Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Hữu Tăng **Phạm Trung Thực** **Nguyễn Ngọc Thăng**